

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2022/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung hỗ trợ, mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung được ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí; nội dung chi, mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

Điều 2. Nội dung ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí

1. Đối với dự án, kế hoạch do tỉnh phê duyệt để phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản thuộc giống chủ lực quốc gia

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện dự án, kế hoạch sản xuất giống, gồm:

- Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có;

- Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện;

- Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện;

- Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có);

- Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành;

- Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống;

- Kiểm soát chất lượng giống (kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh);

- Kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện dự án, kế hoạch.

b) Hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống, gồm:

- Lĩnh vực trồng trọt: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống, sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống đầu dòng hoặc tương đương, giống sạch bệnh, dòng/giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, giống nguyên chủng, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng;

- Lĩnh vực chăn nuôi: hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ;

- Lĩnh vực lâm nghiệp: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô;

- Lĩnh vực thủy sản: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực cấp tỉnh, giống khác (không thuộc giống chủ lực quốc gia): Hỗ trợ 70% mức hỗ trợ kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nội dung chi, định mức chi

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, định mức chi sau:

1. Hỗ trợ sản xuất giống

a) Công lao động kỹ thuật:

- Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh: được tính bằng 56% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số

55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác (không thuộc giống chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh): được tính bằng 28% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật tương ứng với từng loại dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống quy định tại điểm a khoản này.

2. Hỗ trợ đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án, kế hoạch sản xuất giống:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan;

d) Chi hỗ trợ tài liệu học, tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở cho học viên:

- Tài liệu học: học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Tiền ăn, tiền đi lại: học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên, riêng đối với người khuyết tật hỗ trợ tiền đi lại là 300.000 đồng/người/khóa học;

- Chỗ ở người học: trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

Điều 4. Nguồn kinh phí và phân cấp hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn ngân sách chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) của địa phương bố trí cho dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện hoặc giao cho cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện;

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn khác để thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống;

c) Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống.

2. Phân cấp hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản:

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành khác cấp tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện;

b) Ngân sách cấp huyện đảm bảo kinh phí cho các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện có quy mô vốn hỗ trợ từ ngân sách 01 (một) tỷ đồng trở xuống. Trường hợp dự án, kế hoạch có quy mô vốn hỗ trợ từ ngân sách trên 01 (một) tỷ đồng, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ phần chênh lệch trên 01 (một) tỷ đồng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình